CÔNG TY CỔ PHẦN VINFAST VIỆT NAM

---o0o---

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

---o0o---

Hà Nội, Ngày 19 tháng 09 năm 2026

THÔNG BÁO

CHÍNH SÁCH GIÁ BÁN CÁC DÒNG XE Ô TÔ ĐIỆN VINFAST TẠI THỊ TRƯỜNG VIỆT NAM

Kính gửi: **Quý Đại lý Phân Phối VinFast**

Công ty TNHH Cổ phần VinFast Việt Nam ("Công ty VinFast") trân trọng thông báo tới Quý Đại lý "**Chính sách giá bán các dòng xe ô tô điện VinFast tại TTVN**" với nội dung như sau

Chính sách sau được áp dụng cho các xe ô tô điện VinFast được mua trực tiếp từ VinFast/GSM hoặc Đại lý phân phối của VinFast/GSM tại thị trường

Đơn vị tính: VNĐ (bao gồm VAT)

I. GIÁ BÁN XE:

Dòng xe	Phiên bản	Giá bán bán lẻ đề xuất ("MSRP") kèm pin			
		Tiêu chuẩn 3	Tiêu chuẩn 2	Tiêu chuẩn 1	Nâng cấp
VF 2		188.000.000			
VF 3	Eco		285.000.000	278.000.000	
	Plus		296.000.000		
VF 5	Plus			496.000.000	
VF 6	Eco			646.000.000	650.000.000
	Plus		699.000.000	700.000.000	710.000.000
VF MPV 7			750.000.000		
VF 7	Eco		740.000.000	750.000.000	
	Plus - trần thép	920.000.000	830.000.000	840.000.000	889.000.000
	Plus - trần kính		850.000.000	860.000.000	909.000.000
VF 8 – pin CATL - VN	Eco			898.000.000	910.000.000
	Plus			1.079.000.000	
VF 8 – pin CATL - US	Eco			918.000.000	
	Plus			1.079.000.000	
VF 8 Thế hệ mới		899.000.000			
VF Wild	Comfort			860.000.000	
VF 9 - pin CATL, điều hòa 3 vùng	Eco			1.348.000.000	
	Plus - trần thép			1.529.000.000	

Dòng xe	Phiên bản	Giá bán bán lẻ đề xuất ("MSRP") kèm pin			
		Tiêu chuẩn 3	Tiêu chuẩn 2	Tiêu chuẩn 1	Nâng cấp
Lạc Hồng 900				5.000.000.000	
Lạc Hồng 900 (Chống đạn)				36.000.000.000	
Minio Green				188.000.000	
EC Van	Tiêu chuẩn			248.000.000	
	Nâng cao			286.000.000	
	Nâng cao + cửa trượt			306.000.000	
Herio Green			450.000.000	469.000.000	
Nerio Green				628.000.000	
Limo Green				699.000.000	

Lưu ý:

- Các khách hàng đã cọc trước ngày 5/7/2026 sẽ được lựa chọn Chính sách giá và chính sách bán hàng có hiệu lực tại 04/7/2026 hoặc thời điểm xuất hóa đơn nếu xuất hóa đơn không muộn hơn thời điểm sau:
  - Với VF8 Thế hệ mới: 31/12/2026
  - Các dòng xe khác: 31/7/2026
- Tặng điểm V-point cho Khách hàng trị giá 70 triệu đồng cho khách hàng đã mua xe Minio Green và xuất hóa đơn trước ngày 11/7/2026
- Kế hoạch SOP:

Dòng xe	Phiên bản	Tiêu chuẩn 3	Tiêu Chuẩn 2	Tiêu Chuẩn 1
VF 3	Eco		03/11/2025	
	Plus		25/12/2025	
VF 6	Eco			10/03/2025
	Plus		09/10/2025	10/03/2025
VF 7	Eco		09/10/2025	
	Plus – AWD	29/05/2026	23/10/2025	
	Plus - FWD		31/01/2026	15/04/2025
VF 8	Eco			
	Plus			28/02/2025
Herio Green			31/12/2025	

II. GIÁ BỘ SẠC TẠI NHÀ, TRANG BỊ & MÀU TÙY CHỌN:

1. Giá bộ sạc tại nhà

Trang bị sạc tại nhà	Dòng xe sử dụng	Giá trang bị
Bộ sạc cầm tay với công suất 2,2 kW	VF 3	4.000.000
Bộ sạc cầm tay OBC		6.000.000
Bộ sạc với công suất AC 7,4 kW	VF 5, VF 6, VF e34, VF 7 Eco	11.000.000
Bộ sạc với công suất AC 11 kW	VF 7 Plus, VF 8, VF 9	12.000.000

2. Trang bị tùy chọn

Trang bị	VF 9 Plus	VF 7 Eco	VF 7 Plus
6 chỗ ghế cơ trưởng	32.000.000		
Hiển thị thông tin trên kính chắn gió (HUD)		10.000.000	
Hai cầu (AWD, 2 động cơ)			49.000.000

3. Giá màu ngoại thất

Màu ngoại thất	VF 2	VF 3	VF 5 Plus	VF 6 Eco & Plus	VF 7 Eco & Plus	VF 8 Eco & Plus	VF 8 Thế hệ mới	VF Wild Comfort	VF 9 Eco & Plus	Minio Green	VF MPV 7
Be	8.000.000										
Bạc *(Desat Silver)*	Tiêu chuẩn								12.000.000	Tiêu chuẩn	
Bạc *(Desat Silver)* + Nóc đen										3.000.000	
Bạc (Stealth Gray)								12.000.000			
Cam (Vitality)							12.000.000				
Cam Vitality + nóc đen							12.000.000				
Cam Vitality + nóc trắng							12.000.000				
Đen *(Jet Black)*				Tiêu chuẩn	Tiêu chuẩn	Tiêu chuẩn	Tiêu chuẩn	Tiêu chuẩn	Tiêu chuẩn	Tiêu chuẩn	Tiêu chuẩn
Đen *(Jet Black)* + Nóc đồng						12.000.000					
Đen *(Jet Black)* + Nóc										3.000.000	
Đen Jet Black							12.000.000				
Đỏ *(Crimson*						Tiêu chuẩn			Tiêu chuẩn		
Đỏ *(Crimson Velvet)* + Nóc đồng						12.000.000					
Đỏ (Solar Ruby)	Tiêu chuẩn	Tiêu chuẩn	Tiêu chuẩn	Tiêu chuẩn	Tiêu chuẩn		Tiêu chuẩn	Tiêu chuẩn		Tiêu chuẩn	Tiêu chuẩn
Đỏ (Solar Ruby) + nóc trắng										3.000.000	
Đỏ (Solar Ruby) + nóc đen							12.000.000				

Màu ngoại thất	VF 2	VF 3	VF 5 Plus	VF 6 Eco & Plus	VF 7 Eco & Plus	VF 8 Eco & Plus	VF 8 Thế hệ mới	VF Wild Comfort	VF 9 Eco & Plus	Minio Green	VF MPV 7
Hồng *(Rose metallic)*										8.000.000	
Hồng *(Rose metallic)* + Nóc trắng										11.000.000	
Hồng *(Rose metallic)* + Nóc xanh										11.000.000	
Hồng *(Rose Pink)*	8.000.000										
Hồng *(Rose Pink)* + Nóc trắng		8.000.000									
Nâu (Introspective Brown)											10.000.000
Tím (Mysterioso)							12.000.000				
Tím Mysterioso + nóc bạc							12.000.000				
Trắng *(Infinity Blanc)*	Tiêu chuẩn	Tiêu chuẩn	Tiêu chuẩn	Tiêu chuẩn	Tiêu chuẩn	Tiêu chuẩn	Tiêu chuẩn	Tiêu chuẩn	Tiêu chuẩn	Tiêu chuẩn	Tiêu chuẩn
Trắng *(Infinity Blanc)* + Nóc xám						12.000.000					
Vàng *(Summer Yellow)*	8.000.000										
Vàng *(Summer Yellow)* + Nóc đen			8.000.000								

Màu ngoại thất	VF 2	VF 3	VF 5 Plus	VF 6 Eco & Plus	VF 7 Eco & Plus	VF 8 Eco & Plus	VF 8 Thế hệ mới	VF Wild Comfort	VF 9 Eco & Plus	Minio Green	VF MPV 7
Vàng *(Summer Yellow)* + Nóc trắng		8.000.000								3.000.000	
Xám *(Zenith Grey)*		Tiêu chuẩn	Tiêu chuẩn	Tiêu chuẩn	Tiêu chuẩn				Tiêu chuẩn		Tiêu chuẩn
Xám *(Zenith Grey)* + Nóc bạc						12.000.000					
Xanh dương (Moonlit Ocean)											10.000.000
Xanh Dương *(Sky Blue)*	8.000.000										
Xanh Dương *(Sky Blue)* + Nóc trắng		8.000.000	8.000.000								
Xanh dương (Starburst)							Tiêu chuẩn				
Xanh dương Starburst + nóc trắng							12.000.000				
Xanh lá *(Tropical Jade)*										8.000.000	
Xanh lá (Tropical Jade) + Nóc trắng										11.000.000	
Xanh lá (Tropical Jade) + Nóc vàng										11.000.000	

Màu ngoại thất	VF 2	VF 3	VF 5 Plus	VF 6 Eco & Plus	VF 7 Eco & Plus	VF 8 Eco & Plus	VF 8 Thế hệ mới	VF Wild Comfort	VF 9 Eco & Plus	Minio Green	VF MPV 7
Xanh lá đậm (Ivy Green)						Tiêu chuẩn			12.000.000		
Xanh lá nhạt (Urban Mint)	8.000.000	8.000.000	8.000.000	8.000.000	12.000.000				Tiêu chuẩn		

Ghi chú:

- Xe đặt cọc theo chương trình cọc tiên phong VF MPV 7 được miễn phí màu nâng cao
- Khách hàng đã cọc xe Minio Green màu vàng trước ngày 6/5/2026 được miễn phí khi đổi sang màu khác bất kỳ

III. TÍNH NĂNG KHÁC NHAU CƠ BẢN GIỮA PHIÊN BẢN TIÊU CHUẨN 1 VÀ NÂNG CẤP

Dòng xe	Tiêu chuẩn	Nâng cấp
VF 6 Eco	Không có	Có: Bọc vô lăng; Tay nắm trần, tấm ốp nhựa sau lưng hàng ghế trước, gạt mưa tự động, đèn bật/tắt tự động, hỗ trợ đỗ xe phía trước (cảm biến trước), …
VF 6 Plus	Không có	Có: Làm mát ghế lái và làm mát ghế hành khách phía trước, ghế hành khách phía trước chỉnh điện, hỗ trợ đỗ xe phía trước (cảm biến trước), …
	4 cảm biến sau	6 cảm biến sau
VF 7 Plus – trần thép	1 cầu (FWD)	2 cầu (AWD)
VF 7 Plus – trần kính	1 cầu (FWD)	2 cầu (AWD)
VF 8 Eco	1 cầu (FWD)	2 cầu (AWD)

IV. TÍNH NĂNG KHÁC NHAU CƠ BẢN GIỮA PHIÊN BẢN TIÊU CHUẨN 1 VÀ TIÊU CHUẨN 2

Dòng xe	Tính năng	Tiêu chuẩn 2	Tiêu chuẩn 1
VF 3 Eco	Android Auto/ Apple Carplay.	Có	Không
VF3 Plus	- Android Auto/ Apple Carplay - Thêm ốp la – zăng - Gương chiếu hậu chỉnh điện/gập điện - Camera lùi	Có	Không
VF 6 Plus	Mâm	18”	19”
	Túi khí trung tâm hàng ghế trước	Không	Có
VF 7 Eco	Túi khí rèm	Không	Có
	Lọc bụi mịn và ion không khí	Không	Có
VF 7 Plus	Ghế	Da PVC	Da Vegan
	Túi khí trung tâm hàng ghế trước	Không	Có
	Pin	Gotion	CATL

Dòng xe	Tính năng	Tiêu chuẩn 2	Tiêu chuẩn 1
	Lốp	All -Season US	Summer VN
Herio Green	Màn hình trung tâm	10 inch	8 inch
	Ghế	Nỉ	Da
	Điều chỉnh hướng ghế trước	4 hướng	6 hướng
	Gương chiếu hậu	Chỉnh cơ	Chỉnh điện
	- Ga tự động cơ bản (cruise control) và nút bấm vô lăng liên quan - Túi khí hành khách (PAB) phía trước - Cảm biến đỗ xe phía sau - Nắp chụp mâm xe (hub cover) - Sưởi kính sau - Túi đựng đồ phía sau lưng hàng ghế trước - Tay nắm trần hành khách phía trước - Đèn cổng sạc	Không	Có

V. TÍNH NĂNG KHÁC NHAU CƠ BẢN GIỮA PHIÊN BẢN TIÊU CHUẨN 3 VÀ TIÊU CHUẨN 2

Dòng xe	Tính năng	Tiêu chuẩn 3	Tiêu chuẩn 2
VF 7 Plus	Pin	CATL	Gotion
	Hệ thống truyền động	AWD	FWD